

Phụ lục VI

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ
MỸ CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 53/2023/CBTT-MCP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

- Mã chứng khoán: MCP
- Địa chỉ: số 18, đường Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 3961 2844 – 3961 2734 Fax: 3961 2737
- E-mail: info@mychau.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023 của Công ty Cổ Phần In và Bao bì Mỹ Châu.

Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ Phần In và Bao bì Mỹ Châu tại đường dẫn www.mychau.com.vn ngày 14/08/2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

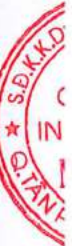
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 28

13
31
T
10
MI
7
130
C
O
A
Y
15

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Thúy Phương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2023)
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2023)
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Nam Thái	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2023)
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2023)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Đình Thái	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	Thành viên
Bà Phạm Ngọc Hạnh Nhung	Thành viên

Danh sách các thành viên Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Số: 22/2023/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu, được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TÔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		212.980.744.471	222.154.848.703
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.067.542.662	5.267.205.138
1. Tiền	111	4.1	6.067.542.662	5.267.205.138
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.436.615.294	93.507.506.959
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	89.836.799.425	92.101.223.880
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	6.280.547.432	1.448.621.979
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		490.207.664	128.600.327
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(170.973.461)	(170.973.461)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		34.234	34.234
III. Hàng tồn kho	140		106.973.030.601	120.300.343.167
1. Hàng tồn kho	141	4.5	106.973.030.601	120.300.343.167
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.503.555.914	3.079.793.439
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	1.703.126.327	2.657.430.403
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	1.800.429.587	422.363.036
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82.984.730.270	89.256.580.784
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.250.000	5.250.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.250.000	5.250.000
II. Tài sản cố định	220		29.098.160.015	34.627.488.746
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	29.098.160.015	34.627.488.746
Nguyên giá	222		359.293.963.561	359.293.963.561
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(330.195.803.546)	(324.666.474.815)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	48.798.248.800	48.798.248.800
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		48.983.600.000	48.983.600.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(185.351.200)	(185.351.200)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.083.071.455	5.825.593.238
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	5.083.071.455	5.825.593.238
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		295.965.474.741	311.411.429.487

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.012.223.878	79.382.038.548
I. Nợ ngắn hạn	310		57.012.223.878	79.382.038.548
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	17.948.056.721	27.319.568.078
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		62.560.491	22.407.161
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	9.680.098.094	2.825.051.473
4. Phải trả người lao động	314	4.11	4.843.327.235	5.273.882.696
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		695.851.433	1.013.204.428
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	11.079.913.664	11.301.054.949
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	10.828.688.121	29.855.666.692
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	1.873.728.119	1.771.203.071
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		238.953.250.863	232.029.390.939
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	238.953.250.863	232.029.390.939
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.713.370.000	150.713.370.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.713.370.000	150.713.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.557.011.449	15.557.011.449
3. Cổ phiếu quỹ	415		(317.124.000)	(317.124.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		64.948.203.442	54.796.833.014
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.051.789.972	11.279.300.476
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.051.789.972	11.279.300.476
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		295.965.474.741	311.411.429.487



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.17	237,492,111,771	253,884,678,981
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		711,645,090	238,988,315
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		236,780,466,681	253,645,690,666
4. Giá vốn hàng bán	11	4.18	209,782,862,522	227,657,983,946
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26,997,604,159	25,987,706,720
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	297,439,940	1,209,317,110
7. Chi phí tài chính	22	4.20	1,763,572,465	3,653,951,313
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1,163,187,061</i>	<i>2,367,723,975</i>
8. Chi phí bán hàng	25	4.21	7,077,993,348	8,880,801,914
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	8,388,954,096	8,466,596,727
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,064,524,190	6,195,673,876
11. Thu nhập khác	31		34,802,189	61,704,769
12. Chi phí khác	32		1,410	28,556,465
13. Lợi nhuận khác	40		34,800,779	33,148,304
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10,099,324,969	6,228,822,180
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.24	2,047,534,997	1,179,015,440
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,051,789,972	5,049,806,740
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.15.4	535	261



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.099.324.969	6.228.822.180
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.23	5.529.328.731	5.473.833.825
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		28.776.258	771.466.062
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.195.059)	(1.143.952.030)
Chi phí lãi vay	06	4.20	1.163.187.061	2.367.723.975
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.811.421.960	13.697.894.012
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.307.174.886)	2.111.664.436
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.327.312.566	(40.275.323.969)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.971.118.669)	603.138.073
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.696.825.859	(205.244.779)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.241.327.124)	(2.378.147.114)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.474.063.653)	(1.475.229.870)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.025.405.000)	(418.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.816.471.053	(28.340.059.211)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.455.648.615)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.195.059	1.119.306.001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.195.059	2.663.657.386
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.25	17.000.000.734	145.085.724.717
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.26	(36.026.979.305)	(87.583.171.181)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.026.978.571)	57.502.553.536
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		798.687.541	31.826.151.711
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.267.205.138	24.525.781.740
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.649.983	2.360.995
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	6.067.542.662	56.354.294.446



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

(Signature)

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

(Signature)

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Nhà máy Thực phẩm Xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 12 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150.713.370.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 277 (01 tháng 01 năm 2023 là: 285).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2022.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.067.542.662	5.267.205.138

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Đồ hộp Blue Sea	12.173.562.326	11.409.917.639
Các khách hàng khác (*)	77.663.237.099	80.691.306.241
Cộng	89.836.799.425	92.101.223.880

(*) Tại ngày 30/6/2023, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chủ yếu là khoản trả trước cho các nhà cung cấp về việc mua nguyên vật liệu, hàng hóa.

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán:				
Công ty Cổ phần Đặc Sản				
Thiên Nhiên Đảo Phú Quốc	244.247.802	73.274.341	244.247.802	73.274.341

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	4.603.300.441	-
Nguyên liệu, vật liệu	79.353.739.848	-	92.370.644.401	-
Công cụ, dụng cụ	2.271.639.213	-	2.057.616.472	-
Thành phẩm	25.347.651.540	-	21.268.781.853	-
Cộng	106.973.030.601	-	120.300.343.167	-

4.6. Chi phí trả trước

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	951.183.028	1.265.123.746
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	320.809.421	641.618.837
Các khoản khác	431.133.878	750.687.820
Cộng	1.703.126.327	2.657.430.403
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.924.908.354	5.555.025.391
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	66.746.670	118.937.502
Các khoản khác	91.416.431	151.630.345
Cộng	5.083.071.455	5.825.593.238

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	10.667.980.186	340.381.512.887	7.153.825.700	823.213.045	267.431.743	359.293.963.561
Tại ngày 30/06/2023	10.667.980.186	340.381.512.887	7.153.825.700	823.213.045	267.431.743	359.293.963.561
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	9.940.870.098	308.665.633.657	5.043.181.080	749.358.237	267.431.743	324.666.474.815
Khấu hao trong kỳ	53.843.178	5.229.287.235	215.565.534	30.632.784	-	5.529.328.731
Tại ngày 30/06/2023	9.994.713.276	313.894.920.892	5.258.746.614	779.991.021	267.431.743	330.195.803.546
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	727.110.088	31.715.879.230	2.110.644.620	73.854.808	-	34.627.488.746
Tại ngày 30/06/2023	673.266.910	26.486.591.995	1.895.079.086	43.222.024	-	29.098.160.015

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 23.401.167.110 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 256.704.399.707 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư tài chính dài hạn là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, thông tin của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

STT	Tên công ty nhận đầu tư	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
1.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	TP. Hà Nội	1,40%	1,40%	Xuất nhập khẩu, thương mại
2.	Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Bắc Ninh	2,49%	2,49%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
3.	Công ty Cổ phần Càng Rau Quả	TP. Hồ Chí Minh	0,81%	0,81%	Khai thác, kinh doanh cảng, kho bãi

Tại ngày lập báo cáo, giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	34.425.000.000	(*)	-	34.425.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	12.586.600.000	(*)	-	12.586.600.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (**)	1.972.000.000	1.966.647.000	185.351.200	1.972.000.000	1.786.648.800	185.351.200
Cộng	48.983.600.000		185.351.200	48.983.600.000		185.351.200

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ và Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Càng Rau Quả trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Austin Multi – Trade	3.830.259.300	3.830.259.300	2.543.593.731	2.543.593.731
Công ty TNHH Edson International	2.118.879.400	2.118.879.400	2.011.273.953	2.011.273.953
Henkel Singapore Pte. Ltd	1.627.612.224	1.627.612.224	5.963.797.257	5.963.797.257
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	10.371.305.797	10.371.305.797	16.800.903.137	16.800.903.137
Cộng	17.948.056.721	17.948.056.721	27.319.568.078	27.319.568.078

(*) Tại ngày 30/06/2023, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải người bán ngắn hạn.

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	4.294.126.705	16.719.893.074	13.577.987.271	-	1.152.220.902
Thuế xuất, nhập khẩu	1.800.429.587	-	481.428.102	1.859.494.653	422.363.036	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.047.534.997	2.047.534.997	1.474.063.653	-	1.474.063.653
Thuế thu nhập cá nhân	-	151.541.726	562.557.098	609.782.290	-	198.766.918
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.186.894.666	3.186.894.666	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	1.800.429.587	9.680.098.094	23.001.307.937	17.524.327.867	422.363.036	2.825.051.473

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người lao động**

Số dư phải trả người lao động tại ngày 30/06/2023 bao gồm lương tháng 6 năm 2023 còn phải trả cho người lao động và khoản trích lương tháng 13 năm 2023.

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.453.400.820	10.293.042.842
Kinh phí công đoàn	545.053.177	555.280.328
Bảo hiểm phải nộp	602.708.370	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	478.751.297	452.731.779
Cộng	11.079.913.664	11.301.054.949

4.13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2023	1.771.203.071
Trích trong năm	1.127.930.048
Chi trong năm	(1.025.405.000)
Tại ngày 30/06/2023	1.873.728.119

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.828.688.121	10.828.688.121	17.377.381.368	36.404.359.939	29.855.666.692	29.855.666.692

Vay ngắn hạn là các khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng có thời hạn 12 tháng, với lãi suất từ 5,8% đến 9%/năm. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay của Công ty được đảm bảo bằng tài sản kèm theo các hợp đồng tài sản đảm bảo - Xem thêm Mục 4.7.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2022	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	34.613.407.653	22.426.028.179	222.992.693.281
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	5.049.806.740	5.049.806.740
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021	-	-	-	-	(2.242.602.818)	(2.242.602.818)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2021	-	-	-	20.183.425.361	(20.183.425.361)	-
Tại ngày 30/06/2022	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	54.796.833.014	5.049.806.740	225.799.897.203
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	6.229.493.736	6.229.493.736
Tại ngày 01/01/2023	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	54.796.833.014	11.279.300.476	232.029.390.939
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	8.051.789.972	8.051.789.972
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022	-	-	-	-	(1.127.930.048)	(1.127.930.048)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2022	-	-	-	10.151.370.428	(10.151.370.428)	-
Tại ngày 30/06/2023	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	64.948.203.442	8.051.789.972	238.953.250.863

Phương án phân phối lợi nhuận trong kỳ này được nêu trong Tờ trình số 08/2023/TTr-HĐQT ngày 27/04/2023 và được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-MCP ngày 27 tháng 04 năm 2023. Trong đó, lợi nhuận sau thuế năm 2022 sẽ được trích vào Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi và không chia cổ tức cho cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ông Trần Quang Huy	37.044.460.000	37.044.460.000
Ông Nguyễn Đức Hiếu	30.116.940.000	30.116.940.000
Bà Phan Đỗ Hạnh	21.080.000.000	21.080.000.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	16.840.000.000	16.840.000.000
Bà Phạm Bích Ngà	14.170.000.000	14.170.000.000
Các cổ đông khác	31.274.750.000	31.274.750.000
Cổ phiếu quỹ	187.220.000	187.220.000
Cộng	150.713.370.000	150.713.370.000

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	18.722	18.722
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.052.615	15.052.615

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

4.15.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.051.789.972	5.049.806.740
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.127.930.048)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	8.051.789.972	3.921.876.692
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	15.052.615	15.052.615
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	535	261

Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu giảm tương ứng.

Trong kỳ, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	54.796.833.014
Trích trong kỳ	10.151.370.428
Tại ngày 30/06/2023	64.948.203.442

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<u>Ngoại tệ các loại:</u>		
USD	490,92	1.148,12
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<u>Nợ khó đòi đã xử lý:</u>		
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	223.874.352	223.874.352
Công ty TNHH Bao Bì Sammiguél Yamamura	330.870.543	330.870.543
Các đối tượng khác	82.355.452	82.355.452

4.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	203.428.637.730	212.537.937.941
Doanh thu bán hàng hóa	8.839.192.459	6.370.582.091
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.904.488.744	20.717.071.970
Doanh thu khác	11.319.792.838	14.259.086.979
Cộng	237.492.111.771	253.884.678.981

4.18. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán thành phẩm	180.174.291.160	190.877.294.574
Giá vốn bán hàng hóa	6.643.416.502	6.012.947.187
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.564.636.335	16.980.886.860
Giá vốn khác	11.400.518.525	13.786.855.325
Cộng	209.782.862.522	227.657.983.946

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	620.317.906
Lãi tiền gửi	9.195.059	523.634.124
Lãi chênh lệch tỷ giá	288.244.881	65.365.080
Cộng	297.439.940	1.209.317.110

Doanh thu hoạt động tài chính kỳ nay giảm 75% so với kỳ trước là do kỳ này Công ty không phát sinh cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và lãi tiền gửi kỳ này giảm so với kỳ trước.

4.20. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	1.163.187.061	2.367.723.975
Lỗ chênh lệch tỷ giá	600.385.404	1.286.227.338
Cộng	1.763.572.465	3.653.951.313

Chi phí tài chính kỳ nay giảm hơn 50% so với kỳ trước. Nguyên nhân là do trong kỳ Công ty đã tắt toán một phần nợ vay dẫn đến chi phí lãi vay kỳ này giảm so với kỳ trước. Bên cạnh đó, hoạt động nhập khẩu của Công ty ít hơn so với năm trước do đó lỗ từ chênh lệch tỷ giá cũng có xu hướng giảm so với kỳ trước.

4.21. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	1.693.758.811	2.382.671.266
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.078.313.959	2.330.062.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.734.616	126.734.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.084.041.492	3.762.880.175
Chi phí khác bằng tiền	95.144.470	278.453.484
Cộng	7.077.993.348	8.880.801.914

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.115.477.649	4.864.787.526
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	263.466.277	210.237.565
Chi phí khấu hao	186.375.798	122.961.546
Thuế, phí, lệ phí	677.815.842	677.815.842
Chi phí thuê ngoài	1.706.814.985	1.727.607.543
Chi phí khác	439.003.545	863.186.705
Cộng	8.388.954.096	8.466.596.727

4.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.417.495.522	201.055.650.945
Chi phí nhân công	27.894.529.081	27.350.439.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.529.328.731	5.473.833.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.267.692.634	13.993.346.435
Chi phí khác bằng tiền	1.219.633.685	1.835.003.537
Cộng	229.328.679.653	249.708.274.001

4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện tại được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	10.099.324.969	6.228.822.180
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	140.000.000	288.933.920
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.649.983)	(622.678.901)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	10.237.674.986	5.895.077.199
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	2.047.534.997	1.179.015.440

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	17.000.000.734	145.085.724.716

4.26. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(36.026.979.305)	(87.583.171.181)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.27. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất;
- Thương mại;
- Dịch vụ;
- Hoạt động khác.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023:

Đơn vị tính: triệu đồng

	<u>Sản xuất</u>		<u>Thương mại</u>		<u>Dịch vụ</u>		<u>Khác</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu thuần										
Từ khách hàng bên ngoài	202.717	212.299	8.839	6.371	13.904	20.717	11.320	14.259	236.780	253.646
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	22.543	21.422	2.196	358	2.340	3.736	(81)	472	26.998	25.988
Chi phí không phân bổ									(15.467)	(17.347)
Thu nhập tài chính									297	1.209
Chi phí tài chính									(1.764)	(3.654)
Thu nhập khác									35	62
Chi phí khác									-	(29)
Lợi nhuận trước thuế									10.099	6.229
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(2.048)	(1.179)
Lợi nhuận sau thuế									8.051	5.050

Công ty không có báo cáo bộ phận về tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh vì tài sản và nợ phải trả của Công ty dùng chung cho hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ và các hoạt động khác.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.28. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Tổng Giám đốc khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bà Phạm Thị Thúy Phương – Chủ tịch HĐQT	20.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Nghị - Chủ tịch HĐQT	40.000.000	60.000.000
Bà Phan Đỗ Hạnh - Thành viên HĐQT	40.000.000	40.000.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân - Thành viên HĐQT	26.666.667	40.000.000
Ông Nguyễn Nam Thái – Thành viên HĐQT	13.333.333	-
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh - Tổng Giám đốc	308.230.630	300.000.000
Cộng	<u>448.230.630</u>	<u>440.000.000</u>

4.29. Thu nhập Ban kiểm soát

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Vũ Đình Thái - Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang - Thành viên	20.000.000	20.000.000
Bà Phạm Ngọc Hạnh Nhung - Thành viên	20.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Vinh - Thành viên	-	10.000.000
Cộng	<u>70.000.000</u>	<u>70.000.000</u>

4.30. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất;
 - + Rủi ro tiền tệ;
 - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.067.542.662	5.267.205.138
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.332.257.089	92.235.074.207
Cộng	96.399.799.751	97.502.279.345
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	10.828.688.121	29.855.666.692
Phải trả người bán và phải trả khác	29.027.970.385	38.620.623.027
Chi phí phải trả	695.851.433	1.013.204.428
Cộng	40.552.509.939	69.489.494.147

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền và tương đương tiền	6.067.542.662	5.267.205.138
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.332.257.089	92.235.074.207
Cộng	96.399.799.751	97.502.279.345

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay VND	Phải trả người bán và phải trả khác VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	10.828.688.121	29.027.970.385	695.851.433	40.552.509.939
Từ 1 – 5 năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	10.828.688.121	29.027.970.385	695.851.433	40.552.509.939
Dưới 01 năm	29.855.666.692	38.620.623.027	1.013.204.428	69.489.494.147
Từ 1 – 5 năm	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2023	29.855.666.692	38.620.623.027	1.013.204.428	69.489.494.147

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có tính thanh khoản cao và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu thương mại và phải thu khác VND	Tiền và tương đương tiền VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023			
VND	90.332.257.089	6.056.040.406	96.388.297.495
Đô la Mỹ	-	11.502.256	11.502.256
Cộng	90.332.257.089	6.067.542.662	96.399.799.751
Tại ngày 01/01/2023			
VND	92.235.074.207	5.241.952.217	97.477.026.424
Đô la Mỹ	-	25.252.921	25.252.921
Cộng	92.235.074.207	5.267.205.138	97.502.279.345

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Các khoản vay	Phải trả thương mại và phải trả khác	Chi phí phải trả	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
VND	10.828.688.121	21.009.782.431	695.851.433	32.534.321.985
Đô la Mỹ	-	7.704.983.874	-	7.704.983.874
Franc Thụy Sĩ	-	313.204.080	-	313.204.080
Cộng	10.828.688.121	29.027.970.385	695.851.433	40.552.509.939
Tại ngày 01/01/2023				
VND	29.855.666.692	23.636.645.271	1.013.204.428	54.505.516.391
Đô la Mỹ	-	14.983.977.756	-	14.983.977.756
Cộng	29.855.666.692	38.620.623.027	1.013.204.428	69.489.494.147

Phân tích độ nhạy cảm

Một khoản tăng/giảm 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ sẽ giảm/tăng lợi nhuận sau thuế là 615.478.529 VND (Kỳ trước: 1.045.657.932 VND).

Một khoản tăng/giảm 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Franc Thụy Sĩ sẽ giảm/tăng lợi nhuận sau thuế là 25.056.326 VND.

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 10%) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Công ty dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối năm không phản ánh rủi ro trong suốt năm.

4.31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	261	335

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, đường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Việc trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước do Công ty tính toán lại theo số Quỹ khen thưởng phúc lợi thực trích của năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-MCP ngày 27 tháng 04 năm 2023.

4.32. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính này.




Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc



Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng



Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023